

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

Ngày nhận bài: 23/09/2025 | Ngày xuất bản: 13/11/2025

Tác giả: Bàn Tuấn Năng (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN) của Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa không chỉ là trách nhiệm về di sản mà còn là cơ hội để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Bài viết đưa ra những vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất một số giải pháp chính sách nhằm gắn kết hiệu quả giữa phát triển kinh tế và bảo tồn các giá trị văn hóa vùng DTTS & MN.

1. Vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng chung sống hòa thuận, đoàn kết, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm khoảng 15% dân số cả nước và sinh sống chủ yếu ở các vùng miền núi, biên giới, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh. Bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trở thành yêu cầu cấp thiết, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị, xã hội.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa bản địa vùng DTTS & MN không chỉ là một nhiệm vụ chính trị, đạo lý, mà còn là điều kiện tiên quyết để giữ gìn ổn định quốc gia, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, gìn giữ bản sắc văn hóa và xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thống nhất trong đa dạng. Văn hóa không chỉ là bản sắc, mà còn là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực mềm cho phát triển. Ở vùng DTTS & MN, văn hóa bản địa là "kho báu sống" chứa đựng hệ giá trị, tri thức, kỹ

năng, lối sống và biểu tượng tinh thần đặc trưng. Trong khi đó, du lịch - đặc biệt là du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa - ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với khả năng huy động, phát huy giá trị văn hóa như một lợi thế cạnh tranh chiến lược.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động của CMCN 4.0, vấn đề đặt ra là: làm thế nào để các giá trị văn hóa bản địa không bị mai một, biến dạng hay bị thương mại hóa, mà ngược lại trở thành động lực phát triển kinh tế bền vững? Đây là câu hỏi vừa mang tính lý luận, vừa mang ý nghĩa thực tiễn cấp thiết.

Với gần 14 triệu người, chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước, vùng đồng bào DTTS & MN chiếm hơn 2/3 diện tích lãnh thổ, phân bố chủ yếu ở khu vực biên giới, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung⁽¹⁾. Đây là khu vực giữ vai trò trọng yếu về an ninh quốc phòng, là nơi giao thoa văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và là nơi dễ bị tác động bởi các âm mưu “diễn biến hòa bình”, kích động ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là địa bàn sinh sống của hàng chục triệu đồng bào thuộc 53 dân tộc thiểu số mà còn là “phên dậu” chiến lược về quốc phòng, an ninh, là kho tàng văn hóa đặc sắc và nguồn lực phát triển to lớn. Do đó, việc chăm lo phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN) không chỉ là trách nhiệm chính trị, đạo lý của Đảng và Nhà nước mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Sinh thời, trong bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ miền núi, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Chính sách của Đảng và Chính phủ ta đối với miền núi là rất đúng đắn. Trong chính sách đó có hai điều quan trọng nhất là: Đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào”⁽²⁾.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh: khi khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố vững chắc, trong đó có sự đồng lòng của đồng bào các dân tộc thiểu số, thì sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội. Ngược lại, khi để xảy ra sự chia rẽ, mất ổn định ở vùng DTTS & MN thì đó sẽ trở thành điểm yếu, kẽ hở để các thế lực thù

địch lợi dụng chống phá. Do đó, bảo vệ vùng DTTS & MN chính là bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ gốc.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của vùng DTTS & MN, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhất quán, xuyên suốt nhằm thúc đẩy phát triển toàn diện vùng này. Trong đó, nổi bật là Nghị quyết số 24-NQ/TW (2003) của BCH Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS & MN giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết 43-NQ/TW năm 2023 về tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng nhiều quyết sách quan trọng khác về giáo dục, y tế, quốc phòng, văn hóa, bảo tồn bản sắc dân tộc... Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định chủ trương về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, đó là: "Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030"⁽³⁾.

2. Các giá trị văn hóa vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Các vùng DTTS&MN sở hữu cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, hệ sinh thái phong phú, khí hậu đặc trưng, cùng với hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc như: kiến trúc nhà ở truyền thống, trang phục, ẩm thực, phong tục, tín ngưỡng, lễ hội, nhạc cụ dân tộc, nghề truyền thống... Mỗi dân tộc đều có một kho tàng di sản văn hóa hết sức phong phú, đa dạng, đặc sắc. Trong đó, có những di sản hết sức đặc sắc, riêng có: lễ hội ăn trâu ở Tây Nguyên, lễ hội Gầu Tào của người Mông, lễ hội Kin Pang Then của người Thái, lễ Cấp sắc của người Dao, lễ cúng thần rừng của người Lô Lô... Các di sản văn hóa đặc sắc ấy, cùng với ngôn ngữ và trang phục, phong tục, tập quán đã tạo ra bức tranh văn hóa đa sắc màu đầy cuốn hút, kích thích trí tưởng tượng và khám phá của du khách.

Đây là nền tảng thuận lợi để phát triển các loại hình kinh tế du lịch như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội vùng DTTS & MN ngày càng phát triển. Nhờ các hoạt động này mà có thể góp

phần giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển, gắn kết vùng sâu, vùng xa với thị trường quốc gia và quốc tế. Khi người dân tự hào với bản sắc văn hóa của mình và thấy được giá trị kinh tế từ đó, họ sẽ chủ động bảo tồn và truyền dạy lại cho thế hệ sau. Nhiều nghề nhân, lễ hội, nghề truyền thống đã được khôi phục nhờ nhu cầu từ hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch...

3. Một số thách thức trong phát triển: phát triển toàn diện, hài hòa kinh tế - văn hóa và yêu cầu đặt ra

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng, vùng DTTS & MN vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức lớn: (i) Khoảng cách giàu nghèo và phát triển giữa các vùng miền còn rất lớn; (ii) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn; (iii) Cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu; (iv) Trình độ giáo dục, y tế, chuyển đổi số còn thấp; (v) Một bộ phận đồng bào còn bị tác động bởi các luận điệu chia rẽ, lợi dụng tôn giáo, dân tộc để kích động chống phá...

Không ít địa phương vì chạy theo tăng trưởng kinh tế đã quy hoạch thiếu kiểm soát, dẫn đến xóa bỏ làng truyền thống, tập quán canh tác, không gian văn hóa đặc thù. Một số lễ hội, nghề thủ công, tiếng nói, chữ viết có nguy cơ mai một. Văn hóa bị thương mại hóa, trình diễn hóa, làm mất đi tính nguyên bản. Nhiều chương trình kinh tế chưa tính đến yếu tố văn hóa đặc thù, dẫn tới không phát huy được nội lực văn hóa của cộng đồng. mô hình du lịch cộng đồng chưa bền vững, chưa có sự tham gia thực chất của người dân, dễ dẫn đến thất bại. Một số thôn bản trong quá trình triển khai dự án du lịch cộng đồng đã bê tông hóa quá nhiều: bản Sì Thâu Chải, (xã Hồ Thầu, tỉnh Lai Châu), bản Pác Ngòi ở hồ Ba Bể (tỉnh Thái Nguyên)... khiến vẻ hoang sơ của cảnh quan, môi trường bị mất dần. Những điều này đã tác động tiêu cực đến sự hấp dẫn của điểm du lịch, khiến một bộ phận du khách dần mất hứng thú khi khám phá đời sống văn hóa ở nơi đây.

Tỷ trọng ngân sách đầu tư cho văn hóa ở vùng DTTS & MN còn thấp, chủ yếu tập trung vào hạ tầng cơ bản. Việc đào tạo nhân lực văn hóa, hỗ trợ nghề nhân, sưu tầm, bảo tồn văn hóa phi vật thể còn dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa mang tính chiến lược dài hạn. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ, nếu không có những chính sách đủ mạnh, sát thực tiễn và có tính dài hạn, nguy

cơ tụt hậu, lệch pha phát triển ở vùng DTTS & MN là rất lớn.

Trong nhiều văn kiện của Đảng, đặc biệt là tại Đại hội XIII, văn hóa được xác định là một trụ cột quan trọng trong phát triển đất nước, ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường. Đối với vùng DTTS & MN, văn hóa không chỉ là giá trị bản sắc mà còn là nguồn lực phát triển bền vững, là chất keo kết nối cộng đồng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ngược lại, việc cải thiện đời sống vật chất, phát triển kinh tế - xã hội giúp đồng bào DTTS có điều kiện tốt hơn để duy trì, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tránh rơi vào cảnh mai một do nghèo đói, di cư, đô thị hóa không kiểm soát...

Vùng DTTS & MN không chỉ là nơi hội tụ đa dạng văn hóa, mà còn là không gian chiến lược của phát triển quốc gia. Việc phát triển kinh tế - xã hội vùng này gắn liền với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa là một con đường đúng đắn, thiết thực để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng.

Các nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo, cán bộ ở cơ sở cần đặt người dân, văn hóa và cộng đồng vào trung tâm của quá trình phát triển. Khi đồng bào DTTS được trao quyền, tạo điều kiện và dẫn dắt theo định hướng phát triển bền vững, họ sẽ không chỉ là người thụ hưởng, mà còn là chủ thể tích cực, sáng tạo và tự hào trong hành trình đi tới tương lai của một Việt Nam đa dạng, thống nhất, giàu mạnh và hạnh phúc. Muốn vậy, cần một tầm nhìn chính sách dài hạn, một hệ thống thể chế linh hoạt và một mô hình phát triển lấy người dân bản địa làm trung tâm. Khi đó, văn hóa bản địa không chỉ được bảo tồn, mà còn được sống động, lan tỏa và bền vững - góp phần vào sự phát triển hài hòa, tự cường và hội nhập sâu rộng của đất nước.

Bảo tồn và phát huy văn hóa bản địa không chỉ là việc của ngành văn hóa, mà là chiến lược phát triển quốc gia, đặc biệt trong vùng DTTS & MN. Trong kỷ nguyên hội nhập và cách mạng công nghiệp mới, văn hóa không bị đẩy ra ngoài, mà trở thành yếu tố trung tâm thúc đẩy kinh tế - trong đó du lịch là lĩnh vực điển hình.

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, thì vùng DTTS & MN không thể và không được đứng ngoài tiến trình này. Tầm nhìn chiến lược được thể hiện qua

mục tiêu xuyên suốt: đến năm 2030, vùng DTTS & MN cơ bản thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đến năm 2045 phát triển toàn diện, bền vững, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, trình độ phát triển kinh tế - xã hội ngang bằng với mặt bằng chung cả nước. Đây là một nội dung gắn liền với sứ mệnh đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 như Nghị quyết của Đảng đã đề ra tại Đại hội XIII.

Tư duy phát triển vùng DTTS & MN hiện nay đã chuyển từ tiếp cận hỗ trợ đơn thuần sang phát triển bền vững, chủ động, toàn diện. Trong đó, văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần mà còn là động lực nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế. Sự phát triển kinh tế, ngược lại, là điều kiện vật chất cần thiết để duy trì, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Việc phát triển kinh tế, xã hội, phát triển du lịch văn hóa - sinh thái, làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP gắn với bản sắc dân tộc là minh chứng rõ nét cho mô hình phát triển hài hòa, lấy văn hóa làm nền tảng, lấy người dân làm trung tâm, và phát triển bền vững làm định hướng. Văn hóa bản địa ở vùng DTTS & MN Việt Nam có tính đa dạng cao, giàu bản sắc và mang tính bản nguyên. Các yếu tố như kiến trúc nhà ở, trang phục truyền thống, tập quán sinh hoạt, tín ngưỡng, lễ hội, tri thức bản địa về tự nhiên và môi trường... là những tài sản vô giá cho phát triển du lịch. Du lịch văn hóa bản địa không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, gìn giữ truyền thống mà còn tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân địa phương. Đặc biệt, khi người dân là chủ thể tham gia - từ hướng dẫn viên, nghệ nhân, đầu bếp, chủ homestay đến người biểu diễn - thì du lịch không còn là ngành "bên ngoài" mà trở thành một phần của hệ sinh thái phát triển cộng đồng.

4. Đề xuất một số định hướng chính sách và giải pháp chiến lược

4.1. Định hướng chính sách

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các dân tộc không chỉ đứng trước những cơ hội thuận lợi để mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa mà còn phải đối mặt với không ít thách thức phức tạp mang tính toàn cầu. Một mặt, hội nhập mở ra điều kiện mới để các giá trị văn hóa dân tộc được lan tỏa, tiếp biến và phát triển trong môi trường đa chiều, đa văn hóa. Nhưng mặt khác, chính xu thế toàn cầu hóa đang tạo ra những áp lực không nhỏ, thể hiện rõ nét trong việc đồng hóa ngôn ngữ, chuẩn

hóa lối sống, tập quán và quan niệm giá trị - vốn là những thành tố làm nên sự đa dạng và bản sắc của các nền văn hóa dân tộc.

Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cần được đặt trong tư duy đổi mới và cách tiếp cận linh hoạt: phải biết kế thừa tinh hoa, đồng thời mạnh dạn gạt bỏ những yếu tố không còn phù hợp với nhịp sống hiện đại; từ đó phát triển văn hóa như một nguồn lực mềm để đồng hành và thúc đẩy phát triển bền vững. Giữ gìn bản sắc không đồng nghĩa với bảo tồn nguyên trạng, mà chính là làm cho bản sắc ấy được hồi sinh, thích ứng và lan tỏa trong một thời đại mới, thời đại của chuyển động, kết nối và sáng tạo không ngừng.

Muốn đạt được mục tiêu phát triển hài hòa, bền vững, muốn thúc đẩy kinh tế xã hội khu vực DTTS & MN phát triển, đóng góp vào tiến trình phát triển chung của đất nước, trước hết cần rà soát, bổ sung các quy định pháp lý về bảo tồn văn hóa DTTS trong quy hoạch phát triển kinh tế vùng, ngành, địa phương. Việc quy hoạch du lịch, công nghiệp văn hóa phải gắn với bảo tồn không gian sống, tập quán sinh hoạt và môi trường sinh thái. Tăng cường phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, làng nghề truyền thống do chính người dân địa phương làm chủ. Có cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa của người DTTS, nhất là thanh niên, phụ nữ, nghệ nhân... Đẩy mạnh giáo dục song ngữ, đào tạo cán bộ quản lý văn hóa là người DTTS, khuyến khích các sáng kiến giáo dục truyền thống trong cộng đồng. Hỗ trợ nghệ nhân truyền dạy lại nghề, tập quán, văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa các dân tộc; số hóa lễ hội, truyện cổ, nhạc cụ, tiếng nói, chữ viết... Khuyến khích sáng tạo nội dung số trên nền tảng mạng xã hội để lan tỏa giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Chính sách phát triển văn hóa cần gắn kết với phát triển giáo dục, du lịch, công nghiệp sáng tạo. Cần lấy người dân là trung tâm và chủ thể của quá trình bảo tồn - phát triển; tăng cường hợp tác công - tư trong bảo tồn di sản.

4.2. Một số giải pháp chiến lược

Có thể gợi ý một số giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa vùng DTTS & MN, như sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chính sách về công tác dân tộc; hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù cho vùng DTTS & MN theo

hướng trao quyền, phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường giám sát, minh bạch và hiệu quả. Thể chế hóa đồng bộ chính sách phát triển kinh tế gắn với bảo tồn văn hóa: Tích hợp văn hóa trong quy hoạch vùng, chính sách đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia. Đảm bảo mọi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS & MN đều đặt yếu tố văn hóa vào trung tâm của sự phát triển bền vững.

Hai là, đầu tư trọng điểm vào hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số tại vùng DTTS & MN. Tăng cường chính sách hỗ trợ đất đai, nhà ở, nước sạch, phát triển sản xuất, ổn định đời sống và sinh kế bền vững. Tăng cường đầu tư hạ tầng và chuyển đổi số: nâng cấp giao thông, viễn thông, cơ sở du lịch, trung tâm sáng tạo văn hóa, đồng thời ứng dụng công nghệ số để quảng bá di sản, số hóa tri thức bản địa, xây dựng hệ thống dữ liệu văn hóa vùng DTTS & MN.

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người DTTS, chú trọng đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số; có chiến lược dài hạn phát triển đội ngũ trí thức, doanh nhân, nghệ nhân dân tộc thiểu số. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực cộng đồng: đào tạo cán bộ người DTTS, nghệ nhân, hướng dẫn viên địa phương, doanh nhân văn hóa; xây dựng cơ chế hỗ trợ người dân làm chủ các mô hình du lịch - kinh tế gắn với văn hóa.

Bốn là, Tăng cường liên kết vùng, hợp tác công - tư, huy động nguồn lực xã hội hóa: Xây dựng cơ chế phối hợp đa ngành, đa cấp; phát triển các vùng liên kết du lịch DTTS&MN; đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp có trách nhiệm. Phát triển du lịch văn hóa cộng đồng làm động lực kép: tập trung đầu tư các điểm đến gắn với bản sắc, cảnh quan thiên nhiên, nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội, ẩm thực. Hỗ trợ khởi nghiệp, xây dựng thương hiệu văn hóa - du lịch đặc trưng từng tộc người, từng địa phương.

Năm là, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng để làm cầu nối giữa Đảng, chính quyền với đồng bào; khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Tăng cường truyền thông, giáo dục và lan tỏa giá trị bản sắc: Đưa giáo dục văn hóa dân tộc vào nhà trường; khuyến khích truyền thông sáng tạo nội dung bản sắc DTTS; hỗ trợ nghệ nhân truyền dạy

nghề truyền thống, nghi lễ, tri thức bản địa cho thế hệ trẻ.

5. Kết luận

Bản sắc văn hóa dân tộc, xét cho cùng, không phải là những khuôn mẫu bất biến, càng không phải là sự sao chép lặp lại trong đơn điệu và bảo thủ. Trái lại, bản sắc văn hóa chính là biểu hiện sống động cho khả năng sáng tạo, thích ứng và phát triển không ngừng của mỗi cộng đồng người trong điều kiện lịch sử cụ thể. Vì thế, khi nói đến “giữ gìn bản sắc”, điều quan trọng không nằm ở việc bảo tồn cái cũ một cách máy móc, mà ở chỗ làm giàu thêm sắc thái văn hóa thông qua đổi mới và sáng tạo, trên nền tảng những giá trị cốt lõi của dân tộc.

Trong dòng chảy hội nhập, chúng ta chứng kiến một hiện tượng kép: một mặt, các nền văn hóa có điều kiện tiếp xúc, giao thoa và làm phong phú lẫn nhau; mặt khác, sự toàn cầu hóa nhanh chóng về ngôn ngữ, phương tiện truyền thông, lối sống tiêu dùng và quan niệm giá trị lại đang gây sức ép mạnh mẽ, làm lu mờ hoặc hòa tan những nét đặc thù văn hóa của các dân tộc thiểu số và cộng đồng yếu thế. Đó không chỉ là nguy cơ đánh mất bản sắc, mà còn là sự thu hẹp về mặt tinh thần – làm suy giảm khả năng tự thân sáng tạo của mỗi dân tộc.

Do đó, một nền văn hóa hiện đại cần phải biết khơi dậy tính đa dạng như một năng lực nội sinh, thay vì để nó bị cuốn trôi trong trào lưu đồng hóa. Đa dạng không đồng nghĩa với chia rẽ, mà là sự cộng sinh đầy sinh khí trong một chỉnh thể thống nhất. Phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 cần đặt văn hóa – đặc biệt là văn hóa bản địa – ở vị trí trung tâm, như một động lực sáng tạo và bản sắc nhận diện trong tiến trình phát triển toàn diện và bền vững.

Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa vùng DTTS & MN không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là con đường đúng đắn để phát triển bền vững. Đây là cách để phát huy sức mạnh nội sinh của cộng đồng các dân tộc, đồng thời hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường, giàu bản sắc, hội nhập nhưng không hòa tan.

Phát triển bền vững vùng DTTS & MN là nhiệm vụ chiến lược, là một phần không thể tách rời trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Đó không chỉ là trách nhiệm

chính trị của Đảng và Nhà nước, mà còn là bốn phận thiêng liêng của mọi người dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng một quốc gia độc lập, tự chủ, giàu mạnh, văn minh và hạnh phúc. Giữ vững “phên dậu” quốc gia cũng chính là bảo vệ tiền đồ dân tộc trong kỷ nguyên mới./.

Tài liệu tham khảo

- (1) <https://mattran.org.vn/to-chuc-thanh-vien/cong-dong-cac-dan-toc-thieu-so-trong-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-viet-nam-11081.html>.
- (2) Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG Sự thật, H., T.10, tr.608.
- (3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG Sự thật, H., tr.140 - 141.